

MV

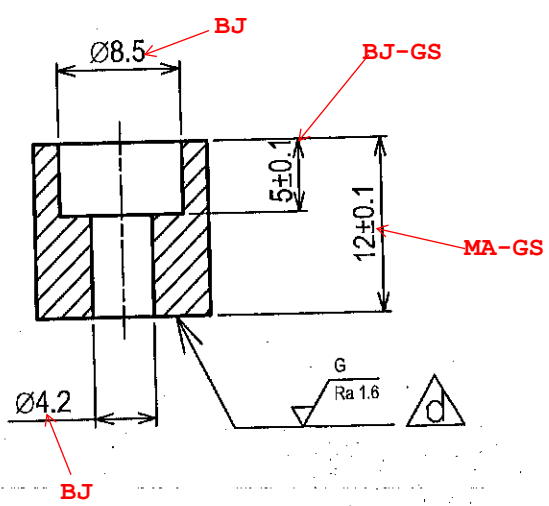
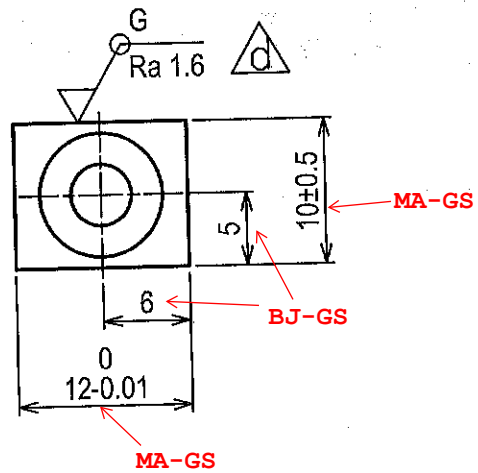
22/2/10

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
1	2008/10/30				Ngo_Van_Luat	Pham_Thanh_Tung	$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1
2	2020/04/08	Change CAD and finish marks	T-VNM-20-03-078	Dang_Dinh_Tuan	Ngo_Van_Luat	Nguyen_Phuoc_Minh	$6 < \leq 30$ ± 0.2
							$30 < \leq 120$ ± 0.3
							$120 < \leq 400$ ± 0.5
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
							FINISH MARKS

6301120197

5P

C0.5 for all
(SC-136)



Số lượng tối thiểu: 5
Vật liệu: C5191
T15 X 17 X 15
Thời gian GC 1 P:
-AA: 15
-MA: 15
-BJ: 15
-GS: 20
KT

Ký hiệu hoàn thành tháng 2/2022

MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
C5191	2:1	部品図 PART DRAWING	固定座 FIXED SEAT
SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	固定座 固定座
JENCH&TEMPER	DATE	DATE	DWG.No.
Ngo_Van_Luat HRC ~	A4V	2020/04/08	S477848

T15 X 17 X 20

MABUCHI MOTOR CO., LTD.
14 112 0077